Công ty Cổ phần **Chứng Khoán Liên Việt (LVS)** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** ----------
Số: 16.../2013/BC-LVS (V/v: *Báo cáo thường niên năm 2012)*	

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Liên Việt
- Tên viết tắt: LVS
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 316/UBCK-GP ngày 20/4/2010 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp.
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Tầng 2&4, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04-39412299 Fax: 04-39412708
- Website: www.lvs.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt là doanh nghiệp thành lập theo Quyết định số 104/UBCK-GP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, với tên giao dịch ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex. Với quyết định số 316/UBCK-GP của Chủ tịch Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước, công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt vào ngày 20/4/2010.

LVS được chính thức công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 13/QĐ-SGDHN ngày 11/1/2010, thành viên giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM theo quyết định số 103/QĐ-SGDHCM ngày 5/2/2010 và thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quyết định ssoo 112/GCNTVLK ngày 10/9/2009.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Thời gian hoạt động của Công ty là không thời hạn. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

Công ty hoạt động tại hai cơ sở:

- Trụ sở chính: tầng 2&4, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Chi nhánh: Tầng 8, tòa nhà LienVietBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, P.ĐaKao, Q1, TP. HCM.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

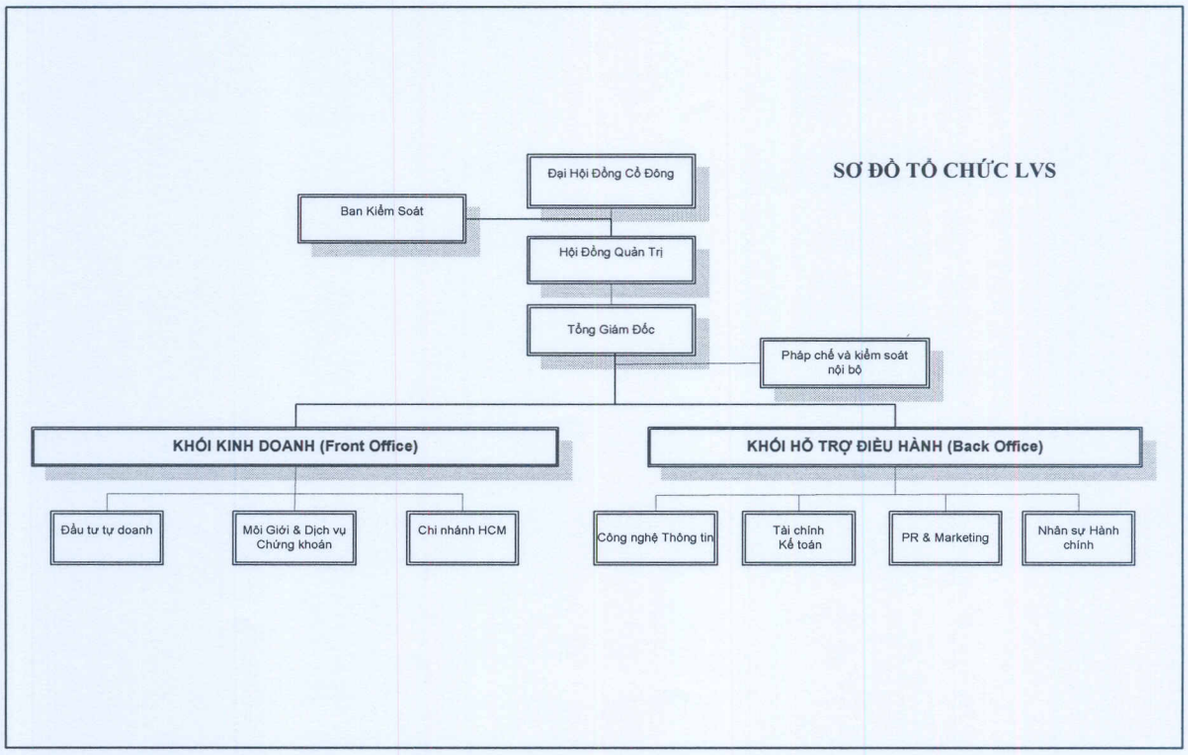

Công ty sẽ do Tổng giám đốc điều hành các hoạt động chung. Tổng giám đốc sẽ có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động cho Chủ tịch Hội Đồng quản trị theo tháng/quý/năm. Ngoài ra, Tổng giám đốc sẽ cùng với Chủ tịch lên kế hoạch hoạt động và báo cáo cho toàn hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Dưới Tổng giám đốc, khối kinh doanh và khối hỗ trợ điều hành sẽ làm việc hỗ trợ và báo cáo trực tiếp cho tổng giám đốc về các hoạt động thường ngày của công ty.

Khối kinh doanh bao gồm bộ phận đầu tư tự doanh, bộ phận môi giới chứng khoán và Chi nhánh TP.HCM

Khối hỗ trợ bao gồm bộ phận công nghệ thông tin, bộ phận tài chính kế toán, bộ phận PR&Marketing, bộ phận hành chính nhân sự.

5. Định hướng phát triển:

Trước những khó khăn chung của thị trường thị trường chứng khoán, Công ty cố gắng tiết giảm chi phí, giữ vững và duy trì hoạt động của các bộ phận, đặc biệt là các bộ phận tạo nguồn thu cho Công ty.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro hệ thống là rủi ro liên quan đến cả thị trường và mọi công ty như các thay đổi về chính sách của nhà nước, rủi ro về lãi suất, lạm phát...

- Rủi ro không hệ thống là rủi ro liên quan đến một nhóm cổ phiếu nào đó
- Rủi ro về tính thanh khoản: thị trường xấu dẫn đến thị trường đóng băng, giá cổ phiếu xuống thấp
- Rủi ro về thông tin: Các thông tin về doanh nghiệp và tính chất không minh bạch là một điểm rất hạn chế đối với cổ phiếu.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đứng trước tình hình thị trường không thuận lợi, năm 2012 là năm LVS đặt mục tiêu hạn chế các hoạt động kinh doanh gây rủi ro, cắt giảm chi phí để giữ vững hoạt động công ty trước các khó khăn của thị trường.
- Kết thúc năm 2012, LVS lỗ 11,4 tỉ đồng chủ yếu phát sinh từ khoản chi thường xuyên (tiền thuê văn phòng, tiền lương, chi phí vận hành hệ thống) rất lớn trong khi doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh mục tiêu chính sụt giảm mạnh do tác động tiêu cực của thị trường.
- Các hoạt động kinh doanh chính vẫn được giữ vững, duy trì được khách hàng và nguồn thu chính cho công ty.
- Ngoài ra, vụ án về hành vi lạm quyền của nguyên Tổng giám đốc LVS nhiệm kỳ trước vẫn trong quá trình điều tra kéo dài cũng gây ra những những khó khăn rất lớn vè mặt tài chính cho LVS do thiệt hại từ vụ việc vẫn chưa được khắc phục.

2. Tổ chức nhân sự:

Lý lịch các cá nhân trong Ban điều hành:

– Quyền Tổng Giám đốc: Nguyễn Hồng Quang

Sinh ngày: 11/1/1977

Số CMND: 011807436 Nơi cấp: CA Hà nội Ngày cấp: 2/11/2009

Trình độ: Thạc sỹ

Số chứng chỉ Quản lý Quỹ: 00431/QLQ cấp ngày 27/7/2004

– Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP HCM: Lê Thanh Đức

Sinh ngày: 5/4/1979

Số CMND: 194104137 Nơi cấp: CA Quảng Bình Ngày cấp: 5/11/2005

Trình độ: Thạc sỹ

Số CC hành nghề Phân tích tài chính: 00675/PTTC cấp ngày 10/4/2009

Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:

– Bổ nhiệm: Không có

– Miễn nhiệm: Không có

Tổng số nhân viên toàn công ty là 24 người bao gồm:

– Bộ phận giám đốc: 2 người

– Bộ phận môi giới: 5 người

– Bộ phận tự doanh: 3 người

– Bộ phận tư vấn: 2 người

– Khối hỗ trợ (Back office): 12 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	729.239.102.247	681.618.420.968	- 6,5%
Doanh thu thuần	133.153.279.103	108.095.717.202	- 18,8%
Thuế và các khoản phải nộp	0	0	
Lợi nhuận sau thuế	(15.172.478.088)	(11.399.843.738)	+24,9%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	125.000.000.000	125.000.000.000	
- Lợi nhuận chưa phân phối	(14.584.304.491)	(25.984.148.229)	
- Tỷ lệ an toàn tài chính	183%	162%	
2. Các chỉ tiêu tài chính (lần)			
- Khả năng thanh toán nhanh	22,75	29,99	
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	0,85	0,85	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,88	5,60	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.500.000 CP (mệnh giá 10.000 đ/CP)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.500.000 CP (mệnh giá 10.000 đ/CP)
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ và tên/ Tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Tỉ lệ góp
1	Công ty Cổ phần Him Lam	Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0301437499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 12/4/2008, thay đổi lần 5 ngày	Số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	64%

		28/9/2009		
2	Ngân hàng TMCP Liên Việt	Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN do Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 28/3/2008	32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, TX. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	11%
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang	GCNĐKKD số 4103000784 do Sở Kế hoạch – Đầu tư TP.HCM cấp ngày 15/01/2002	Số 6A Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	15%
4	Phan Hữu Tuấn	010003198 Ngày cấp: 25/11/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội	Số 105 Phố Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Tây Hồ, TP Hà Nội	10%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2012 có sự chuyển nhượng cổ phần như sau:

- Ngày 28/02/2012, Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Trang chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần tương đương với 8% sang Công ty Cổ phần Him Lam theo nghị quyết số 01/2012/QĐ-HĐQT ngày 2/3/2012
- Ngày 02/03/2012, Ông Phạm Huy Thông chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần tương đương với 8% sang Công ty Cổ phần Him Lam theo nghị quyết số 02/2012/QĐ-HĐQT ngày 5/3/2012
- Ngày 05/03/2012, Ông Phạm Huy Thông chuyển nhượng 250.000 cổ phần tương đương với 2% sang Công ty Cổ phần Him Lam theo nghị quyết số 03/2012/QĐ-HĐQT ngày 7/3/2012
- Ngày 05/03/2012, Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Trang chuyển nhượng 250.000 cổ phần tương đương với 2% sang Công ty Cổ phần Him Lam theo nghị quyết số 04/2012/QĐ-HĐQT ngày 7/3/2012
- Ngày 05/03/2012, Bà Cao Thị Hảo chuyển nhượng 62.500 cổ phần tương đương với 0.5% sang Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Trang

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Giao dịch các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả kinh doanh phản ánh LVS đang bị lỗ do chi phí thường xuyên rất lớn (tiền thuê văn phòng và dịch vụ đi kèm, chi phí đường truyền và thuê hạ tầng công nghệ thông tin, các loại phí đóng cho Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật).

- Đã hoàn thành công tác tái cấu trúc, chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng tinh gọn và hiệu quả; cắt giảm chi phí tối đa thông qua việc cắt giảm nhân sự, cắt giảm diện tích và tiền thuê văn phòng, rà soát và loại bỏ các chi phí không cần thiết khác, thanh lý tài sản dôi dư. Hiện số lượng nhân sự đang làm việc tại công ty cũng như tổng chi phí đang ở mức tối thiểu nhất nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành được các hoạt động kinh doanh hàng ngày.
- Công tác quản trị rủi ro được xiết chặt, không để xảy ra các trường hợp gây rủi ro hoặc thiệt hại cho công ty.
- Đảm bảo yêu cầu về an toàn tài chính và các quy định khác của pháp luật trong quá trình hoạt động.
- Hệ thống công nghệ được duy trì, nâng cấp đáp ứng được những thay đổi theo yêu cầu của các Sở Giao dịch chứng khoán cũng như nhu cầu giao dịch hàng ngày từ phía khách hàng;

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**358.375.837.900**	**709.178.804.141**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**23.297.934.734**	**6.781.599.972**
1. Tiền	111	V.01	23.297.934.734	6.781.599.972
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**298.547.504.399**	**653.120.917.836**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	301.248.731.210	655.751.694.647
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.701.226.811)	(2.630.776.811)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**V.03**	**34.079.772.718**	**48.786.883.554**
1. Phải thu khách hàng	131		27.936.280.638	13.466.180.638
2. Trả trước cho người bán	132		27.018.750	27.018.750
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		662.692.484	982.196.300
5. Các khoản phải thu khác	138		24.396.241.042	36.751.714.504
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.942.460.196)	(2.440.226.638)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.450.626.049**	**489.402.779**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		645.877.342	261.277.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.011.037	81.070.896
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	1.744.737.670	147.054.635
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**323.242.583.068**	**20.060.298.106**
II. Tài sản cố định	**220**		**11.462.907.584**	**17.198.313.907**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	4.226.546.856	7.035.481.209
- Nguyên giá	222		9.096.811.416	10.773.923.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.870.264.560)	(3.738.442.030)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	7.236.360.728	10.162.832.698
- Nguyên giá	228		15.025.770.697	14.696.103.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.789.409.969)	(4.533.270.999)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**310.442.463.000**	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	310.442.463.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.337.212.484**	**2.861.984.199**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	793.353.581	2.556.572.680

3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		330.754.626	191.179.246
4. Tài sản dài hạn khác	268		213.104.277	114.232.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**681.618.420.968**	**729.239.102.247**

b) Tình hình nợ phải trả:

Các khoản vay và nợ phát sinh trong năm:

Đơn vị tính: VND

Vay dài hạn	Số dư đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối năm
- Trái phiếu phát hành	587.500.000.000	-	17.000.000.000	570.500.000.000

3. Những cải biến về cơ cấu tổ chức chính sách quản lý:

- Hiện tại, cơ cấu tổ chức LVS đã được sắp xếp tinh gọn, hiệu quả. Xóa bỏ các cấp quản lý trung gian hoặc phòng ban không cần thiết;
- Kiên quyết không thực hiện các hoạt động, nghiệp vụ kinh doanh có tiềm ẩn rủi ro lớn hoặc không có hiệu quả tài chính;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tạm thời LVS sẽ không phát triển hoạt động môi giới chứng khoán niêm yết do không hiệu quả. Do đó sang năm 2013 LVS sẽ làm thủ tục tự nguyện rút tư cách thành viên của 2 Sở Giao dịch chứng khoán HSX và HNX để tiết kiệm chi phí (đường truyền, phí thành viên,..);
- Tuy nhiên, LVS vẫn giữ nghiệp vụ Môi giới, giữ tư cách thành viên Trung tâm Lưu ký để duy trì và phát triển hoạt động Tư vấn tài chính, Môi giới trái phiếu, Quản lý sổ cổ đông, lưu ký và ủy quyền quản lý chứng khoán. Đây là các nghiệp vụ kinh doanh hiện mang lại nguồn thu lớn cho LVS, đảm bảo bù đắp chi phí và có lợi nhuận tích lũy;
- Tập trung xử lý dứt điểm vụ việc liên quan đến nguyên Tổng Giám đốc nhiệm kỳ trước, thu đòi nợ và khắc phục hậu quả;

5. Giải trình của ban giám đốc nếu có (trường hợp ý kiến của kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):

- Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 37/2011/LVS-HĐKD ký ngày 10/1/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/01/2012 giữa LVS và Công ty cổ phần XNK Á Châu có thỏa thuận việc gộp phần lãi dự thu vào phần góp vốn gốc đang theo dõi tại khoản mục Đầu tư ngắn hạn với tổng giá trị là: 22.620.703.125 đồng. Tuy nhiên do Công ty vẫn chưa nhận được báo cáo kết quả đầu tư của phía đối tác để đánh giá hiệu quả của khoản đầu tư này, vì thế tại thời điểm 31/12/2012, LVS vẫn chưa ghi nhận thêm khoản lãi dự thu hay dự phòng của khoản đầu tư này.
- Do Hợp đồng Hợp tác kinh doanh cổ phần số:2501-01/LVS-KH và 1502-01/LVS-KH, 1502-02/LVS-KH được ký kết vượt thẩm quyền, vì thế phía Công ty đã khởi kiện Ông Hoàng Xuân Quyến (Nguyên Tổng Giám đốc LVS) và các cá nhân có liên quan. Đến thời điểm lập báo cáo này, sự việc vẫn đang trong quá trình làm sáng tỏ và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan điều tra vì thế Công ty vẫn đang ghi

nhận đây là khoản đầu tư ngắn hạn (32,5 tỷ đồng) của Công ty trên Bảng cân đối kế toán và chưa ghi nhận các ảnh hưởng về tài chính vào báo cáo kết quả kinh doanh liên quan đến khoản đầu tư này.

IV. Đánh giá hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội động quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động của LVS trong năm 2012 đã đáp ứng được các mục tiêu và kế hoạch do Hội đồng Quản trị đề ra. Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính đều được duy trì và đem lại doanh thu đạt yêu cầu kế hoạch;

2. Đánh giá hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc

- Ban Giám đốc LVS trong năm 2012 đã tổ chức, triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng các mục tiêu và và đạt kế hoạch do Hội đồng Quản trị đề ra;
- Ban Giám đốc LVS đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ LVS;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Yêu cầu Ban điều hành LVS thực hiện tự nguyện rút tư cách thành viên tại 2 Sở Giao dịch Chứng khoán để tiết kiệm chi phí;
- Yêu cầu Ban điều hành tiếp tục rà soát, cắt giảm nhân sự và chi phí không cần thiết;
- Giữ vững và phát triển các hoạt động kinh doanh có hiệu quả hiện tại, đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi và có tích lũy để phục hồi phát triển sau này;
- Tập trung xử lý dứt điểm vụ việc liên quan đến nguyên Tổng Giám đốc, thu hồi nợ và khắc phục toàn bộ thiệt hại từ vụ việc này;

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên cơ cấu Hội đồng quản trị:

- Ông Huỳnh Ngọc Huy - Chủ tịch HĐQT - là đại diện 32% vốn điều lệ của LVS cho Công ty Him Lam;
- Ông Nguyễn Văn Thanh - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT - là đại diện cho Công ty Viettranimex (cổ đông nắm giữ 15% vốn điều lệ của LVS);
- Ông Nguyễn Đức Cử – Phó Chủ tịch HĐQT - là đại diện 32% vốn điều lệ của LVS cho Công ty Him Lam;
- Ông Nguyễn Đức Hưởng – Phó Chủ tịch ĐQT - đại diện cho Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt (cổ đông nắm giữ giữ 11% vốn điều lệ của LVS).

b) Hoạt động của hội đồng quản trị:

- Trong năm 2012, tất cả các thành viên HĐQT đều tích cực tham gia những phiên họp nhằm mục đích bàn bạc và thông qua những vấn đề quan trọng liên quan tới hoạt động của Công ty. Những quyết định chủ yếu của HĐQT thông qua trong năm 2012 bao gồm việc thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 2012, xem xét tái cấu trúc bộ máy Công ty, quyết định về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu trong hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty trong năm 2013.
- Hàng quý, trên cơ sở báo cáo tài chính Công ty, HĐQT và Ban kiểm soát đã kiểm tra và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo đúng kế hoạch và đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị có những thay đổi về thành viên như sau:

- Ông Nguyễn Đức Cử được bầu vào HĐQT giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 20/8/2012 theo nghị quyết số 20/2012/NQ-ĐHĐC
- Ông Trần Việt Trung từ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 20/8/2012 theo nghị quyết số 20/2012/NQ-ĐHĐCĐ.

2. Ban kiểm soát:

a) Số lượng các thành viên ban kiểm soát:

- Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung – Trưởng ban kiểm soát
- Bà Trần Thị Hòa – Thành viên ban kiểm soát

b) Hoạt động của ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty CP Chứng Khoán Liên Việt đã tham gia các cuộc họp của HĐQT và một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo định kỳ hàng quý/tháng. Ban kiểm soát đã theo dõi và xem xét mọi số liệu báo cáo tổng kết kinh doanh do Ban giám đốc chuẩn bị, giám sát các hoạt động Công ty đảm bảo hoạt động đúng pháp luật, minh bạch và hiệu quả. Đồng thời, ban kiểm soát cũng theo dõi ý kiến của cổ đông và các thành viên HĐQT để có những góp ý thiết thực với hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban kiểm soát: Không có

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long

Cơ sở ý kiến: Công việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực và quy chế này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trong yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên: Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 37/2011/LVS-HĐKD ký ngày 10/1/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/01/2012 thì Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Á Châu số tiền 18.750.000.000 đồng, lãi dự thu lũy kế đến thời điểm 10/01/2012 là: 3.870.703.125 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi chưa được cung cấp bất cứ tài liệu nào chứng minh cho việc xác nhận lợi nhuận dự thu nêu trên từ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Á Châu. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận nêu trên và ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

Theo thông tin trình bày tại mục VIII.5 trang 29 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư 3.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng giá trị là 32,5 tỷ đồng theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần số: 2501-01/LVS-KH ngày 25/01/2011, Hợp đồng số 1502-01/LVS-KH

ngày 15/02/2011 và 1502-02/LVS-KH ngày 15/02/2011. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2012 giá trị toàn bộ cổ phiếu này trên thị trường chỉ đạt được 13,5 tỷ đồng. Công ty không trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nêu trên. Theo ước tính của chúng tôi Công ty phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2012 giá trị là 19 tỷ đồng.

2. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán:

- Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	**100**		**358.375.837.900**	**709.178.804.141**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**23.297.934.734**	**6.781.599.972**
1. Tiền	111		23.297.934.734	6.781.599.972
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.04**	**298.547.504.399**	**653.120.917.836**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		301.248.731.210	655.751.694.647
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.701.226.811)	(2.630.776.811)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**V.11**	**34.079.772.718**	**48.786.883.554**
1. Phải thu của khách hàng	131		27.936.280.638	13.466.180.638
2. Trả trước cho người bán	132		27.018.750	27.018.750
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		662.692.484	982.196.300
5. Các khoản phải thu khác	138		24.396.241.042	36.751.714.504
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(18.942.460.196)	(2.440.226.638)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.02**	-	-
1. Hàng tồn kho	141			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.450.626.049**	**489.402.779**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		645.877.342	261.277.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.011.037	81.070.896
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.744.737.670	147.054.635
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**323.242.583.068**	**20.060.298.106**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**V.11**		
II. Tài sản cố định	**220**		**11.462.907.584**	**17.198.313.907**
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	4.226.546.856	7.035.481.209
- Nguyên giá	222		9.096.811.416	10.773.923.239
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.870.264.560)	(3.738.442.030)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	7.236.360.728	10.162.832.698
- Nguyên giá	228		15.025.770.697	14.696.103.697
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.789.409.969)	(4.533.270.999)
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**310.442.463.000**	
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.337.212.484**	**2.861.984.199**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	793.353.581	2.556.572.680
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	330.754.626	191.179.246
4. Tài sản dài hạn khác	268		213.104.277	114.232.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**681.618.420.968**	**729.239.102.247**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	**300**		**582,484,937,508**	**618,705,775,049**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**11,945,961,532**	**31,166,799,073**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312		61,160,000	68,704,000
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.11	68,442,743	215,945,085
5. Phải trả người lao động	315		26,165,906	71,022,750
6. Chi phí phải trả	316	V.12		14,365,586
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	319		3,402,248,758	3,388,282,232
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	320		120,500	75,601,765
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	321		0	
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	322	V.13	7,467,522,515	25,481,265,129
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		52,021,126	52,021,126
13. Doanh thu chưa thực hiện	328		868,279,984	1,799,591,400
14. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	329			
II. Nợ dài hạn	**330**		**570,538,975,976**	**587,538,975,976**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.14		
3. Phải trả dài hạn khác	333		38,975,976	38,975,976
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	570,500,000,000	587,500,000,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.09		
8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	**400**		**99,133,483,460**	**110,533,327,198**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.16**	**99,133,483,460**	**110,533,327,198**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125,000,000,000	125,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		39,210,563	39,210,563
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		78,421,126	78,421,126
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(25,984,148,229)	(14,584,304,491)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**681,618,420,968**	**729,239,102,247**

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu	**01**		**108.095.717.202**	**133.153.279.103**
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng	01.1		14.486.435.040	4.876.457.893
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng	01.2		89.496.242.184	114.718.106.574
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng	01.3			
- Doanh thu đại lý phát hành chứng	01.4		276.363.636	
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		281.818.182	150.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6			
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7			
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8			
- Doanh thu khác	01.9		3.554.858.160	13.408.714.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**			
3. Doanh thu thuần về hoạt động	**10**		**108.095.717.202**	**133.153.279.103**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**		**107.275.278.421**	**128.511.169.009**
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động	**20**		**820.438.781**	**4.642.110.094**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**10.612.645.085**	**17.527.084.051**
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động	**30**		**(9.792.206.304)**	**(12.884.973.957)**
8. Thu nhập khác	**31**		**567.362.776**	**585.583.457**
9. Chi phí khác	**32**		**2.175.000.210**	**2.866.792.588**
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(1.607.637.434)**	**(2.281.209.131)**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước	**50**		**(11.399.843.738)**	**(15.166.183.088)**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**VI.1**		**6.295.000**
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**VI.2**		
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**(11.399.843.738)**	**(15.172.478.088)**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**			

T/M CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT
Q. Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Quang